

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày: 16-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Từ Anh Tuấn;
- Ông Tô Văn Nhung.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Phùng Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Vào ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 867/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Nguyên đơn:* ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: số A L, khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959; địa chỉ: số A V, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ trình bày:*

Vào ngày 15/8/2023, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ và ông Nguyễn Văn L có ký kết hợp đồng vay tiền với số tiền vay là 2.200.000.000 đồng, lãi suất vay 20%/năm, thời hạn vay từ ngày 15/8/2023 đến 15/12/2024 nhưng nếu quá 1 tháng mà bên vay không trả lãi thì thời hạn nêu trên không còn giá trị nữa. Bên vay phải hoàn trả ngay vốn đã nhận của bên cho vay. Nếu quá hạn bên vay không trả nợ thì từ tháng thứ 02 trở đi bên vay không trả nợ thì phải trả lãi quá hạn theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ ngày 15/8/2023 đến 14/6/2024 ông Nguyễn Văn L trả lãi cho ông Đoàn Văn Đ được 198.000.000 đồng. Tính đến ngày 14/6/2024, ông L còn nợ ông Đ số tiền lãi 34.000.000 đồng. Từ 15/6/2024 đến nay bên vay không trả gốc và lãi cho nguyên đơn. Ông Đoàn Văn Đ đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng bị đơn không trả.

Số tiền lãi còn nợ tính đến ngày 14/6/2024 là: 34.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/7/2024 là 01 tháng x 20%/năm x 2.200.000.000 đồng = 36.600.000 đồng.

Tiền lãi quá hạn từ ngày 15/7/2024 đến ngày 15/01/2025 là 06 tháng x 20%/năm x 2.200.000.000 đồng x 150% = 330.000.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 15/01/2025 là 2.600.600.000 đồng.

Ngoài khoản vay 2.200.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 15/8/2023 thì ông Nguyễn Văn L không còn nợ ông Đoàn Văn Đ khoản vay nào khác. Các khoản vay trước đó đã cộng dồn vào số tiền 2.200.000.000 đồng trong giấy vay tiền ngày 15/8/2023.

Ông Đ xác định đây là nợ riêng giữa ông Đ và ông L nên không yêu cầu Tòa án đưa vợ ông L tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Tại văn bản ngày 26/12/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Ông L và ông Đ làm ăn với nhau từ năm 2017. Ông Nguyễn Văn L mượn tiền ông Đoàn Văn Đ nhiều lần, mỗi lần vay ông Đ có viết giấy vay. Đến ngày 15/8/2023, ông Đoàn Văn Đ và ông Nguyễn Văn L có cộng lại tất cả các khoản vay còn nợ trước đó là 2.200.000.000 đồng. Chữ ký trong giấy vay tiền ngày 15/8/2023 ông Đ cung cấp là của ông L. Tại hợp đồng vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất 20%/năm, thời hạn vay từ ngày 15/8/2023 đến ngày 15/12/2024. Mặc dù, trong giấy vay tiền ghi lãi suất 20%/năm, tuy nhiên, trên thực tế ông L và ông Đ thỏa thuận là 1%/tháng, mỗi tháng ông L trả ông Đ 22.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L cũng chậm thanh toán tiền lãi cho ông Đ của 01 vài tháng tổng số tiền 94.000.000 đồng, ông L đã trả được 60.000.000 đồng, tính đến ngày 14/6/2024 còn nợ 34.000.000 đồng, từ ngày 15/6/2024 đến nay ông L chưa trả cho ông Đ khoản tiền gốc và lãi nào.

Nay ông Nguyễn Văn L đồng ý trả cho ông Đoàn Văn Đ số tiền gốc còn nợ là 2.200.000.000 đồng. Do kinh tế khó khăn, ông L yêu cầu ông Đ miễn tiền lãi cho ông L. Ông L đồng ý trả cho ông Đ trong thời hạn 06 tháng.

Ngoài khoản vay 2.200.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 15/8/2023 thì ông Nguyễn Văn L không còn nợ ông Đoàn Văn Đ khoản vay nào khác. Trường hợp xuất hiện giấy vay tiền nào trước ngày 15/8/2023 giữa ông L và ông Đ thì

đó là khoản vay đã cộng dồn vào khoản tiền 2.200.000.000 đồng trong giấy vay tiền ngày 15/8/2023.

Ông L xác định đây là nợ riêng giữa ông L với ông Đ, không liên quan đến ai nên đề nghị Tòa án không đưa vợ con ông L tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Xét thấy, tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất, giữa ông Đ và ông L có làm ăn qua lại, vay mượn nhiều lần. Ngày 15/8/2023 ông Đ và ông L cộng dồn khoản nợ của những lần trước thành số tiền còn nợ là 2.200.000.000 đồng. Hai bên ký hợp đồng vay tiền ngày 15/8/2023. Chữ ký trong hợp đồng vay tiền là của ông L. Khi ký hợp đồng vay tiền là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Ông L đã trả tiền lãi cho ông Đ, tính đến ngày 14/6/2024, ông L nợ ông Đ tiền lãi là 34.000.000 đồng. Từ ngày 15/6/2024 đến nay, ông L chưa trả tiền lãi cho ông Đ. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn và nguyên đơn thừa nhận số tiền gốc còn nợ là 2.200.000.000 đồng và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng, đây Sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tiền lãi: Xét thấy, tại giấy vay tiền ngày 15/8/2023, các bên có thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, thời hạn thanh toán và việc vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận nên đây là hợp đồng vay tài sản có lãi suất và có thời hạn theo quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự.

[4] Bị đơn cho rằng, các bên ký kết hợp đồng vay tiền có ghi lãi suất 20%/tháng và lãi suất quá hạn, trên thực tế hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định khi bị đơn thanh toán tiền lãi đầy đủ cho nguyên đơn thì nguyên đơn sẽ bớt tiền lãi cho bị đơn chứ không phải là hai bên thỏa thuận lãi suất 1% như bị đơn trình bày. Từ ngày 14/6/2024 đến nay, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả tiền lãi thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật theo đúng thỏa thuận giữa các bên. Việc bị đơn cho rằng, ông Đ và ông L có thỏa thuận lãi suất 1%/tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và không được nguyên đơn thừa nhận, việc nguyên đơn tự nguyện giảm tiền lãi khi bị đơn trả tiền lãi cho nguyên đơn là sự tự nguyện của nguyên đơn nên không có cơ sở chấp nhận mức lãi suất 1% như bị đơn trình bày.

[5] Tại giấy vay tiền ngày 15/8/2023, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất vay 20%/năm, thời hạn vay từ ngày 15/8/2023 đến 15/12/2024 nhưng nếu quá 01 tháng mà bên vay không trả lãi thì thời hạn nêu trên không còn giá trị nữa. Bên vay phải hoàn trả ngay vốn đã nhận của bên cho vay. Nếu quá hạn bên vay không trả nợ thì từ tháng thứ 02 trở đi bên vay không trả nợ thì phải trả lãi quá hạn theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

.....

4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

[6] Xét thấy, bị đơn thừa nhận từ ngày 14/6/2024, bị đơn nợ nguyên đơn số tiền lãi 34.000.000 đồng và từ ngày 15/8/2024 đến nay, bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền gốc và lãi nào. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi là có căn cứ chấp nhận. Về tiền lãi tính như sau:

Số tiền lãi còn nợ tính đến ngày 14/6/2024 là: 34.000.000 đồng

Tiền lãi trong hạn từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/7/2024 là 01 tháng x 20%/năm x 2.200.000.000 đồng = 36.600.000 đồng.

Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15/7/2024 đến ngày 15/01/2025 là 06 tháng x 20%/năm x 2.200.000.000 đồng x 150% = 330.000.000 đồng.

Tổng tiền lãi đến ngày 15/01/2025 là 400.600.000 đồng

Như vậy, tổng cộng cả gốc và lãi bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 2.600.600.000 đồng.

[7] Về thời hạn thanh toán: Bị đơn yêu cầu thanh toán cho nguyên đơn trong thời hạn 06 tháng nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Văn Đ với bị đơn ông Nguyễn Văn L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm thanh toán cho ông Đoàn Văn Đ số tiền 2.600.600.000 (hai tỷ sáu trăm triệu sáu trăm nghìn) đồng; trong đó: nợ gốc 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu) đồng và tiền lãi 400.600.000 (bốn trăm triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày 16/01/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng vay tiền ngày 15/8/2023.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHA DS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền